

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA BÌNH
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **117/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 14-11-2023

V/v Ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA BÌNH – TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Chí Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Võ Tấn Phước

+ Ông Liêu Tài Ngoánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Dư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Văn Hữu Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 299/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023 về “Ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Thanh T, Sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp thị trấn A1, thị trấn Hoà Bình, huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Bà Lương Thị H, Sinh năm 1977

Địa chỉ: Ấp thị trấn A1, thị trấn Hoà Bình, huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu.

(ông Tùng và bà Hai có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai của ông Lê Thanh T trình bày:**

- Về hôn nhân: Ông Lê Thanh T và bà Lương Thị H tự nguyện chung sống vợ chồng năm 1997 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Hoà Bình, huyện Hoà Bình ngày 13/05/2004. Sau thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra bất đồng mâu thuẫn. Do tính tình không hoà hợp, Do ông Tùng bị bệnh nhiều năm không làm ra nhiều thu nhập cho gia đình, Vợ chồng có nhiều bất đồng trầm trọng hơn và đã sống ly thân từ tháng 7/2023 đến nay, nên ông Tùng yêu cầu xin ly hôn bà Lương Thị H.

- Về con chung: ông Lê Thanh T và bà Lương Thị H có 03 con chung là cháu Lê Thanh T, sinh ngày 01/03/1999; cháu Lê Mỹ Nh, sinh ngày 17/03/2009 và cháu Lê Mỹ T, sinh ngày 17/03/2009. Cháu Tiên đã trưởng thành sống tự lập, Riêng cháu Như và cháu Tâm tôi yêu cầu được nuôi dưỡng, không yêu cầu bà Lương Thị H đóng góp nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
 - Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

*** Bị đơn bà Lương Thị H trình bày:**

Bị đơn - bà Lương Thị H vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án này, bà Hai có gửi đơn đề nghị xét xử vắng mặt thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của ông Tùng như sau: “Tôi và ông Lê Thanh T chung sống vợ chồng năm 1997. Quá trình chung sống có 03 con chung là cháu Lê Thanh T, sinh ngày 01/03/1999; cháu Lê Mỹ Nh, sinh ngày 17/03/2009 và cháu Lê Mỹ T, sinh ngày 17/03/2009; tài sản tự thỏa thuận, nợ không có, Do hai vợ chồng mâu thuẫn, không hợp nhau nữa nên chúng tôi ly hôn”

Bà Lương Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt “ Vắng mặt tất cả các buổi làm việc, tất cả các phiên xét xử của Toà án”

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án ông Lê Thanh T vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bà Lương Thị H không có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viên kiểm sát huyện Hòa Bình phát biểu quan điểm:

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

Áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn ông Lê Thanh T và bị đơn bà Lương Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt ông Lê Thanh T và bà Lương Thị H như sau:

Áp dụng Khoản 1 Điều 56 Luật nhân gia đình năm 2014, đề nghị tuyên xử cho ông Lê Thanh T và bà Lương Thị H được ly hôn.

Về con chung: ông Lê Thanh T và bà Lương Thị H có 03 con chung là cháu Lê Thanh T, sinh ngày 01/03/1999; cháu Lê Mỹ Nh, sinh ngày 17/03/2009 và cháu Lê Mỹ T, sinh ngày 17/03/2009. Cháu Tiên đã trưởng thành sống tự lập, Riêng cháu Như và cháu Tâm ông Tùng yêu cầu được nuôi dưỡng, không yêu cầu bà Lương Thị H đóng góp nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Về nợ chung không có. Không xem xét giải quyết.

Áp dụng khoản 4 Điều 147, Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Ông Lê Thanh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Ông Lê Thanh T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình giải quyết về “Ly hôn”; Tuy nhiên, giữa ông Lê Thanh T và bà Lương Thị H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 đến ngày 13/05/2004 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Hoà Bình, huyện Hoà Bình; Do đó hôn nhân của ông Tùng và bà Hai là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh T. **Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình” được quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.**

[2] *Về thẩm quyền giải quyết*: Ông Lê Thanh T khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết. Bà Lương Thị H là bị đơn có nơi cư trú và nơi ở hiện tại, tại ấp thị trấn A1, thị trấn Hoà Bình, huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

[3] *Về sự vắng mặt của các đương sự*: Nguyên đơn ông Lê Thanh T và bị đơn bà Lương Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] *Về nội dung tranh chấp*:

4.1 Về hôn nhân: Yêu cầu xin ly hôn của **ông Lê Thanh T**, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ trước năm 2020 đến nay nhưng các bên vẫn không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm, thực tế đã ly thân với nhau từ tháng 7/2023 đến nay. Hơn nữa, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Hai nhưng bà Hai không đến tham dự và có gửi đơn đề nghị xét xử vắng mặt “*Do vợ chồng có mâu thuẫn, không hợp nhau nữa nên chúng tôi ly hôn*”, điều này cho thấy ý chí của bà Hai không muốn hàn gắn mối quan hệ vợ chồng và bà và ông Tùng sống ly thân từ tháng 7/2023 đến nay bà không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông Tùng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Tùng đối với bà Hai.

4.2 Về con chung: Ông Tùng và bà Hai có 03 con chung là cháu Lê Thanh T, sinh ngày 01/03/1999; cháu Lê Mỹ Nh, sinh ngày 17/03/2009 và cháu Lê Mỹ T, sinh ngày 17/03/2009. Cháu Tiên đã trưởng thành sống tự lập, Riêng cháu Như và cháu Tâm ông Tùng yêu cầu được nuôi dưỡng, không yêu cầu bà Lương Thị H đóng góp nuôi con. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu của ông Tùng cũng như nguyện vọng của cả 02 cháu Như và cháu Tâm được ở với cha là ông Tùng.

Bà Lương Thị H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4.3 Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. về nợ chung: Không có. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí sơ thẩm*:

Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng

án phí lệ phí Tòa án. Ông Lê Thanh T là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Về ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật nhân gia đình năm 2014

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lê Thanh T đối với bà Lương Thị H. Xử cho ông Lê Thanh T được ly hôn với bà Lương Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Mỹ Nh, sinh ngày 17/03/2009 và cháu Lê Mỹ T, sinh ngày 17/03/2009 cho ông Lê Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, bà Hai không phải cấp dưỡng nuôi con do ông Tùng không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, bà Lương Thị H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Ông Lê Thanh T và bà Lương Thị H tự thỏa thuận. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung : Không có. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Ông Lê Thanh T phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Bà Lương Thị H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Lê Thanh T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0004926 ngày 06/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu. Nay chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu
- VKSND huyện Hòa Bình ;
- Chi cục THADS huyện Hòa Bình ;
- Đương sự;
- UBND thị trấn
- Lưu hồ sơ.

Phan Chí Tâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA